

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Huỳnh Hữu H** - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Bùi Ngọc D** - Sinh năm: 1977; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh H, chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D có một người con chung là Huỳnh Hữu T - Sinh ngày 09 tháng 8 năm 2011, hiện đang sống chung với chị D. Anh H và chị D thống nhất với nhau là chị D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh H, chị D là phù hợp với nguyện vọng của người con và phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D tự nguyện nhận chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D thuận tình ly hôn. Anh H, chị D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Chị Bùi Ngọc D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Huỳnh Hữu H là Huỳnh Hữu T - Sinh ngày 09 tháng 8 năm 2011, hiện đang sống chung với chị D cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh Huỳnh Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Huỳnh Hữu H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh Huỳnh Hữu H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Bùi Ngọc D có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Hữu H.

Vì lợi ích của con chung, anh Huỳnh Hữu H, chị Bùi Ngọc D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Hữu H và chị Bùi Ngọc D tự nguyện nhận chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh H, chị D đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005901 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh H, chị D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Anh Huỳnh Hữu H (01 bản);
- Chị Bùi Ngọc D (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên